TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/DS-PT
Ngày: 29-5-2020
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản, bồi thường thiệt hại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Văn Hai;

2. Bà Phạm Thị Minh Châu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 133/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2020, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản, bồi thường thiệt hại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST, ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện CP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966 nơi cư trú: Ấp BT, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang.(vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971(vắng mặt)

2.2. Bà Hồ Thị C, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Ông D và bà C cùng cư trú: ấp BP, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm 1994 nơi cư trú: Ấp VC, xã VC, huyện TH, tỉnh Long An theo giấy ủy quyền ngày 06/12/2019. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: Ông Nguyễn Văn U, chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh huyện CP, theo giấy ủy quyền ngày 17/12/2019.(có đơn xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị C có vay của ông số tiền 620.194.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, hai bên có làm biên nhận nợ ngày 20/7/2019. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông D, bà C trả số tiền nợ nêu trên nhưng ông D, bà C cứ hẹn lần không trả. Nay ông Đ yêu cầu ông D, bà C trả số tiền nợ vay là 620.194.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày làm biên nhận nợ đến khi vụ án được giải quyết xong.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị C trình bày: Vào tháng 6/2016, ông bà có vay của ông Đ số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Ông bà có vay thêm nhiều lần nữa, đến tháng 03/2017 vay tổng cộng là 280.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, đã đóng lãi nhiều lần. Đến ngày 27/4/2018, ông Đ đã cộng dồn lãi 3%/tháng và nợ gốc 280.000.000 đồng nên số tiền nợ là 476.000.000 đồng. Sau đó, ông Đ lại tiếp tục cộng dồn số tiền nợ trên, cũng tính lãi suất 3%/tháng và cộng thêm số tiền nợ mua vật tư nông nghiệp là 8.942.000 đồng thành số tiền 593.088.000 đồng. Đến ngày 28/02/2019, ông Đ lại cộng dồn số tiền trên và tính lãi tiếp tục 3%/tháng nên tổng số tiền nợ mới ra 620.194.000 đồng. Do đó, việc ông Đ yêu cầu ông bà trả số tiền nợ vốn vay là 620.194.000 đồng là trong đó đã cộng dồn vốn gốc 280.000.000 đồng và số tiền lãi tính tăng dần. Nay ông bà chỉ đồng ý trả số tiền vốn vay ban đầu cho ông Đ là 280.000.000 đồng đã vay vào tháng 03/2017 và đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật sau khi đã trừ đi các khoản lãi mà ông bà đã đóng cho ông Đ, đồng ý trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 8.942.000 đồng. Do ông Đ đã yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của bị đơn là không đúng, đã gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nên bị đơn có yêu cầu phản tố buộc ông Đ phải bồi thường cho bị đơn số tiền 300.000.000 đồng từ việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện CP, tỉnh An Giang trình bày: Ngày 14/5/2019, ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị C có ký hợp đồng tín sụng số 73/2019/HĐTD-BC để vay số tiền 420.000.000 đồng, mục đích vay mua bán lúa gạo và sản xuất lúa, thời hạn vay là 12 tháng. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay là 01 quyền sử dụng đất diện tích 10.224m^2 thửa số

1478, tờ bản đồ số 01, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00433eF do Uỷ ban nhân dân huyện CP cấp ngày 23/01/2006 ông D và bà C đứng tên. Tính đến thời điểm hiện nay khoản nợ vay của ông D, bà C vẫn chưa đến hạn thanh toán nên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không có ý kiến gì về vụ án. Tuy nhiên đây là tài sản mà ông D, bà C đã thế chấp cho Ngân hàng nên nếu trường hợp có phát mãi tài sản nêu trên thì ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 127.106.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả tiền vay và vật tư nông nghiệp tổng cộng 543.088.000 đồng và tính lãi từ ngày 28/2/2019 đến nay theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST, ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện CP quyết định:

Căn cứ vào khoản 3, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, Điều 464, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với số tiền 127.106.000 đồng

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị C.

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị C có nghĩa vụ liên đới trả ông Nguyễn Văn Đ tiền vay 426.000.000 đồng, tiền mua bán 8.942.000 đồng và tiền lãi 151.533.000 đồng, tổng cộng 586.475.000 (Năm trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị C đòi bồi thường thiệt hại 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án, ông D và bà C không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 368 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền vốn tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/7/2019 để đảm bảo thi hành án.

Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm số 04/2019/QĐ-BPBĐ ngày 23/7/2019. Ông Đ được nhận lại 50.000.000 đồng theo sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00010272553 ngày 23/7/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Ông D và bà C cùng phải chịu 42.459.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 0006001 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP. Ông D và bà C còn phải nộp 34.959.000 (ba mươi bốn triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 01 năm 2020, bị đơn ông D, bà C có đơn kháng cáo yêu cầu các vấn đề sau:

- Ông D, bà C chỉ đồng ý trả 280.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ tháng 03/2017 đến nay, đồng thời khấu trừ số tiền lãi 50.000.000 đồng ông D, bà C đã đóng lãi cho ông Đ;

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc ông Đ có nghĩa vụ bồi thường số tiền 300.000.000 đồng do yêu cầu áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản của bị đơn không đúng quy định pháp luật;

- Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện CP.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có yêu cầu thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm về thủ tục tố tụng.

Phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện của bị đơn trình bày: Cấp sơ thẩm có những thiếu sót như khi ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không tống đạt cho bị đơn để bị đơn thực hiện quyền khiếu nại, bị đơn có phản tố yêu cầu bồi thường số tiền 300.000.000 đồng do việc sang nhượng đất mất tiền đặt cọc và không đưa ông Đặng Văn H người chuyển nhượng đất vào tham gia tố tụng, và biên bản hòa giải đối chất không phải là đương sự trong vụ án mà là người đại diện ủy quyền. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm vì có vị phạm về thủ tục tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử không: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đơn ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị C: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST, ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện CP.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các dương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị C kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận.

[2] Trên cơ sở các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ việc được xác định như sau: Các đương sự thống nhất có giao dịch vay tiền nhiều lần, mua bán vật tư nông nghiệp hiện bị đơn còn nợ tiền. Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 20 tháng 7 năm 2019 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà C phải trả số nợ vay 620.194.400đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 127.106.000đồng được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với số tiền này là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự không kháng cáo nên có hiệu lực đối với phần này. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 493.088.000 đồng, tiền nợ vật tư 8.942.000 đồng. Phía bị đơn chỉ thừa nhận nợ 280.000.000 đồng, tiền nợ vật tư.

[3] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn khởi kiện bị đơn số tiền 493.088.000 đồng, tiền nợ vật tư 8.942.000 đồng. Phía bị đơn chỉ thừa nhận nợ 280.000.000 đồng, tiền nợ vật tư, cung cấp chứng cứ là 02 giấy tính tiền do ông Đ ghi và được ông Hậu là con Đắng đại diện cho nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm thừa nhận (Bút lục số 05,06), các chứng cứ do bị đơn cung cấp không thể hiện số tiền vay 280.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm không chấp nhận lời khai nại của bị đơn là có căn cứ. Cấp sơ thẩm căn cứ vào bút lục số 05 chấp nhận chứng cứ do bị đơn cung cấp số tiền vay 476.000.000 đồng có khấu trừ số tiền 30.000.000 đồng trả ngày 07/11/2018 và 20.000.000 đồng trả ngày 10/11/2018 (bút lục 06), tính lãi suất theo từng thời gian đã trả số tiền 151.533.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Riêng số nợ mua vật tư nông nghiệp bị đơn còn thiếu 8.942.000 đồng (BL 06) nguyên đơn và bị đơn điều thừa nhận số tiền này.

[4] Xét yêu cầu của người đại diện bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm là đề nghị hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 05/2019/QĐ –BPKCTT ngày 24/7/2019 nhưng không tống đạt quyết định này cho ông D, bà C nên đã vi phạm về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tại bút lục số 15, 16 thể hiện Văn phòng thừa phát lại Châu Đốc đã tống đạt trực tiếp Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ –BPKCTT ngày 24/7/2019 cho bà Hồ Thị C ký nhận trực tiếp cho bà, ông D vào ngày 25/7/2019. Mặt khác, tại giấy ủy quyền ngày 06/12/2019 (Bút lục số 48) của ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị C ủy quyền cho ông

Trương Văn H nội dung ủy quyền thể hiện căn cứ vào Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ –BPKCTT ngày 24/7/2019.

[5] Xét đối với phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường số tiền 300.000.000đ do bị đơn vi phạm hợp đồng đặt cọc, ngày 18/7/2019 (BL 22, 23, 24) bởi nguyên đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Hội đồng xét xử xét thấy hồ sơ thể hiện ông Nguyễn Văn Đ phát hiện ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị C thiếu nợ không trả, lại chuyển nhượng quyền sử dụng đất đang thế chấp cho Ngân hàng cho ông Đặng Văn H mục đích nhằm tẩu tán tài sản, ông Đ kịp thời khởi kiện và có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được Tòa án chấp nhận để đảm bảo cho việc thi hành án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 111 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, và hợp đồng đặt cọc không đúng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, bị đơn cũng vi phạm thỏa thuận được ghi nhận tại điểm 3.2.6 Điều 3 của Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 16/2018/HĐTC-BC ngày 09/5/2018. Nên cấp sơ thẩm không chấp nhận phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại là có căn cứ và không cần thiết phải đưa ông Đặng Văn H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[6] Người đại diện ủy quyền của bị đơn cho rằng giấy ủy quyền ngày 18/9/2019 của ông Nguyễn Văn Đ cho ông Nguyễn Phước Hậu được đại diện thay mặt cho ông Đ tranh chấp với bị đơn là ông D, bà C số thụ lý là 139/2019/TLST-DS, nhưng số thụ lý là 136/2019/TLST-DS đây là do cấp sơ thẩm nhầm lẫn nên cần rút kinh nghiệp. Đối với việc hòa giải đối chất, công khai chứng cứ người đại diện bị đơn cho rằng không phải là đương là nguyên đơn trực tiếp khởi kiện trong vụ án là ông Đ tham gia việc hòa giải đối chất, công khai chứng cứ, mà do người đại diện ủy quyền của ông Đ là ông Hậu tham gia việc hòa giải đối chất, công khai chứng cứ là vi phạm thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cấp sơ thẩm hòa giải dối chất với người đại diện ủy quyền nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Từ những nhận định phân tích trên, kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị C không có cơ sở xem xét, nên Hội dồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 07/2020/DS-ST, ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện CP, cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006170 và số 0006171 ngày 31/1/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị C;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-PT ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện CP;

Căn cứ vào khoản 3, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, Điều 464, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với số tiền 127.106.000 đồng

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị C.

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị C có nghĩa vụ liên đới trả ông Nguyễn Văn Đ tiền vay 426.000.000 đồng, tiền mua bán 8.942.000 đồng và tiền lãi 151.533.000 đồng, tổng cộng 586.475.000 (Năm trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị C đòi bồi thường thiệt hại 300.000.000 đồng.

4. Kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án, ông D và bà C không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 368 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền vốn tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

5. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/7/2019 để đảm bảo thi hành án.

Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm số 04/2019/QĐ-BPBĐ ngày 23/7/2019. Ông Đ được nhận lại 50.000.000 đồng theo sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00010272553 ngày 23/7/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

6. Về án phí sơ thẩm: Ông D và bà C cùng phải chịu 38.594.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 0006001 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP. Ông D và bà C còn phải nộp 31.094.250 (Ba mươi mốt triệu không trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 14.404.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001547 ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm

ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006170, 0006171 ngày 31/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND – An Giang;
- TAND – huyện CP;
- THA – huyện CP;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ